

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 04 tháng 10 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Giấy phép số 85/GP-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH Trường Long được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Xét Đơn đề ngày 07/10/2024 kèm theo hồ sơ của Công ty TNHH Trường Long đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Phiếu đánh giá Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc của các chuyên gia và cán bộ chuyên môn thuộc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1714/TTr-STNMT ngày 07/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 54.019 m² gồm 03 khu vực:

- Khu vực 1 có diện tích 11.801 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, M1, M2 và 4;
- Khu vực 2 có diện tích 15.714 m² được giới hạn bởi các điểm góc M3, M4, M5 và M6;
- Khu vực 3 có diện tích 26.504 m² được giới hạn bởi các điểm góc 2, M7, M8 và 3.

(có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 4.735.594 m³, trong đó có 449.881 m³ đá khối để xẻ, cụ thể:

- + Cấp 121: 1.968.403 m³;
- + Cấp 122: 2.767.191 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp:

Trữ lượng địa chất cấp 122: 263.088 m³.

4. Cao độ tính trữ lượng: Cos + 25 m.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: Cấp 121 + 122: 4.735.594 m³, trong đó có 449.881 m³ đá khối dễ xẻ, cụ thể:

+ Cấp 121: 1.968.403m³;

+ Cấp 122: 2.767.191m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đất làm vật liệu san lấp: Cấp 122: 263.088 m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Công ty TNHH Trường Long;
- Lưu: VT, CN (T11.16).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ LỘC THỊNH, HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực thăm dò	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000	
		(Kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực 1 11.801 m ²	1	2223 109,2	548 429,6
	M1	2223 157,8	548 339,5
	M2	2223 091,6	548 274,5
	4	2223 009,3	548 371,8
Khu vực 2 15.714 m ²	M3	2223 103,0	548 441,0
	M4	2223 174,5	548 477,9
	M5	2223 090,0	548 651,0
	M6	2223 017,3	548 599,9
Khu vực 3 26.504 m ²	2	2222 988,6	548 653,2
	M7	2222 920,0	548 841,0
	M8	2222 792,4	548 781,2
	3	2222 882,8	548 595,1
Diện tích khu vực thăm dò 54.019 m²			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ LỘC THỊNH, HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

1. Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: Cấp 121 + 122: 4.743.586 m³

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
			Cấp 121	Cấp 122	
1	1-121	+ 25	1.152.000		
2	2-121	+ 25	816.403		
Trữ lượng cấp 121			1.968.403		
3	1-122	+ 25		690.270	
4	2-122	+ 25		2.076.921	
Trữ lượng cấp 122			2.767.191		
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			4.743.586		

2. Đất làm vật liệu san lấp: Cấp 122: 263.088 m³./.